nóng mín

农民

Noun · farmer; peasant

Example Sentences

nóng mín zài tián lǐ gōng zuò
农 民在田里 工 作。

Farmers work in the fields.

zhè wèi nóng mín zài tián lǐ xīn qín de gēng zhòng
这位 农 民在田里辛勤地耕 种 。

This farmer is diligently farming in the field.

zhè wèi nóng mín měi tiān zǎo qǐ qù zhòng dì
这位 农 民每天早起去 种 地。

This farmer gets up early every day to farm.

Trace each character, then write the word on your own.

农 农 农 农 农 农 农 农 农

民 民 民 民 民 民 民 民